

# Bản tin thị trường

22.09.2022

*Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks*

## Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường  
Cổ phiếu quan tâm  
Danh mục đầu tư

## Tin Doanh Nghiệp

PNJ, FPT

## Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng  
Lịch chia cổ tức



## Thị trường bật tốt quanh 1200, tâm lý đã cởi mở hơn

Chỉ số Vnindex đảo chiều từ trạng thái giảm hơn 10 điểm phiên sáng lên xanh 4 điểm sau khi chốt phiên giao dịch. Thanh khoản có sự cải thiện rõ rệt đặc biệt là từ phiên chiều lên gần 12 ngàn tỷ. Kịch bản phiên giao dịch hôm nay khá giống với đợt Fed tăng lãi suất hồi tháng 7 vừa rồi. Vùng 1200 được giữ khá chắc chắn và trụ được trong các nhịp giảm mạnh thị trường trong các đợt gần đây.

Nhóm chứng khoán tăng tốt nhất trong ngày ở VCI, HCM, MBS, CTS đều tăng trên 4%. SSI, VND cũng tăng hơn 2%. Gần như hầu hết nhóm chứng khoán đều tăng điểm hôm nay trừ EVS. Cổ phiếu ngân hàng vẫn có một vài blue chip giảm như VCB, VPB, CTG còn lại VIB, BID và một số bank nhỏ tăng khoảng 1%.

Phiên tăng điểm hôm nay phục hồi mang tính kỹ thuật và tâm lý. Thị trường vẫn có cơ hội duy trì đà hồi phục thêm vài phiên với mục tiêu gần quanh 1230-1250. Đây vẫn là cơ hội để nhà đầu tư đang kẹp hàng giá cao có thể cơ cấu danh mục và thu gọn tài khoản. Một số nhà đầu tư đang giữ tỷ trọng tiền mặt cao có thể giải ngân lướt sóng ngắn và tận dụng các nhịp giảm sâu để tích lũy cổ phiếu.

# Tin Doanh Nghiệp

## PNJ lãi sau thuế hơn 1.200 tỷ đồng sau 8 tháng



CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (Mã: PNJ) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 8/2022 với doanh thu thuần đạt 2.328 tỷ đồng, tăng hơn 13 lần so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 79 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 78 tỷ đồng do năm ngoái thực hiện chỉ thị giãn cách xã hội của nhà nước ở nhiều tỉnh thành.

Tuy nhiên nếu so với các tháng từ đầu năm đến nay, kết quả tháng 8 vừa rồi đang ở mức thấp nhất cả về doanh thu thuần và lợi nhuận.

## FPT lãi ròng hơn 500 tỷ đồng trong tháng 8, tăng 28%

CTCP FPT (Mã: FPT) vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm đạt 27.060 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 4.951 tỷ, lần lượt tăng 24% và 23,6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 3.409 tỷ đồng, tăng gần 30%.

Tính riêng trong tháng 8, doanh thu thuần của FPT là 3.841 tỷ đồng, tăng 35% so với tháng cùng kỳ. Công ty lãi trước thuế 739 tỷ, tăng 28%. Còn lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ là 503 tỷ.

Năm 2022, tập đoàn lên kế hoạch kế hoạch 42.420 tỷ đồng doanh thu và 7.618 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Như vậy, sau 8 tháng, FPT đã thực hiện được lần lượt 64% và 65% chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cả năm.

8 tháng đầu năm, mảng công nghệ tiếp tục đóng góp chính vào doanh thu và lợi nhuận của FPT với tỷ lệ lần lượt là 57% và 46%, tương ứng với doanh thu mảng này là 15.481 tỷ và lợi nhuận là 2.256 tỷ.

Các mảng khác như viễn thông cũng như giáo dục, đầu tư và khác cũng ghi nhận tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số so với cùng kỳ.

Mảng xuất khẩu phần mềm tiếp tục đà tăng trưởng với mức doanh thu 11.731 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 28,7%, đóng góp bởi sức tăng đến từ thị trường Mỹ (tăng 42%) và APAC (tăng 61%). Thị trường Nhật Bản có sự phục hồi đáng kể với mức tăng trưởng doanh thu theo đồng Yên đạt 18,7%.

Lũy kế 8 tháng đầu năm, doanh thu thuần của PNJ đạt 23.049 tỷ đồng, tăng 87,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.246 tỷ đồng, gần gấp đôi cùng kỳ. Với kết quả này, PNJ đã thực hiện được 94,4% kế hoạch lợi nhuận năm.

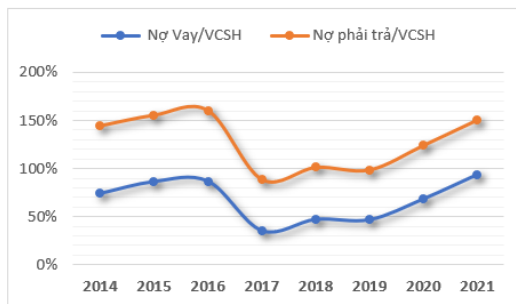
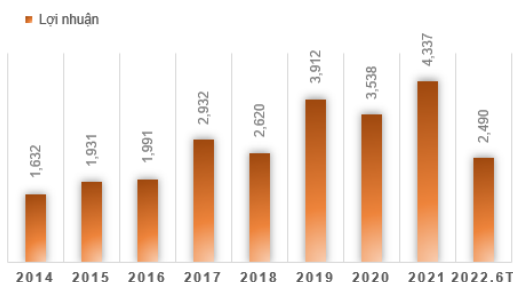
Trong 8 tháng đầu năm, tình hình kinh doanh của PNJ đều có sự tăng trưởng đồng đều ở từng kênh.

Cụ thể, đối với mảng bán lẻ, với sự tăng trưởng tốt ở tất cả các nhãn hàng và khu vực, triển khai hiệu quả các hoạt động khai thác khách hàng, phối hợp và cải tiến trong hệ thống quản trị kinh doanh và vận hành, mảng bán lẻ 8 tháng của PNJ tăng 96,2% so với cùng kỳ.

Mảng bán sỉ cũng tăng đến 67% về doanh thu nhờ thực hiện chiến lược sản phẩm phù hợp với kênh bán hàng.

Doanh thu vàng 24K lũy kế 8 tháng đầu năm tăng 87,5% so với cùng kỳ do nhu cầu khách hàng trong bối cảnh áp lực lạm phát.

Tính đến cuối tháng 8/2022, hệ thống PNJ có 353 cửa hàng trên toàn quốc. Công ty đã mở mới 21 cửa hàng và nâng cấp 18 cửa hàng PNJ Gold, mở mới 2 cửa hàng Style by PNJ. Công ty cũng đã đóng 6 cửa hàng PNJ (bao gồm PNJ Gold và PNJ Silver) để tối ưu hiệu quả hoạt động kinh doanh.





## Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex đã di chuyển chậm lại và có phản ứng tốt khi chạm vùng hỗ trợ tâm lý quanh 1200. Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện dù trong một phiên chưa thể hiện rõ dấu hiệu dòng tiền quay trở lại. Thị trường vẫn tiềm ẩn rủi ro ngắn hạn vì vậy nhà đầu tư nên tránh việc mua đuổi. Với các vị thế mua mới, nhà đầu tư chỉ chọn tích lũy ở các nhịp giảm sâu.

Một số nhóm cổ phiếu có thể chờ tín hiệu mua: FPT (80-82), DGW (67-69), STB (20-21), VCI (30-31), TLG (64-65), PNJ (110-112), FTS (32-33), FRT (82-84).



## Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SốDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
<b>Tổng</b>	<b>1,100</b>	<b>2,042,500</b>	<b>1,702,175</b>	<b>20.0%</b>	<b>261,139</b>	<b>206,255</b>	<b>26.6%</b>



## Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	5,995,200	5.8	1.6	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	2,040,300	13.6	2.1	43,300	35,810	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	5,961,800	9.4	1.4	137,310	1,207,200	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	400,100	18.4	2.0	10,300	90	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	1,779,000	6.9	1.4	125,650	434,900	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	6,317,800	4.7	1.2	52,090	4,000	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	9,550,900	6.3	1.4	4,420,460	4,417,160	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	3,089,500	6.3	1.2	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	2,454,900	6.6	1.1	1,015,100	2,111,930	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	14,782,600	4.9	1.0	128,900	295,600	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	12.7	2.6	-	30	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	13,785,600	13.4	1.3	112,300	231,900	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	4,810,300	6.6	1.3	-	-	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	2,456,300	6.9	1.5	25,600	45,510	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	904,300	13.2	3.0	417,600	839,400	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	1,822,400	5.8	2.0	610	-	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	12,627,600	6.7	1.3	20	-	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	45,500	-	3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	267,000	-	-	-	100	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	619,400	19.7	1.0	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
			<b>93,485,900</b>	<b>10.32</b>	<b>1.56</b>	<b>6,489,240</b>	<b>9,623,630</b>	<b>2,737</b>	<b>16,242</b>



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ALT	HNX	20/09/2022	21/09/2022	26/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TRC	HOSE	19/09/2022	20/09/2022	27/10/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	DIH	HNX	19/09/2022	20/09/2022	20/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	FCM	HOSE	19/09/2022	20/09/2022	18/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	XLV	UPCoM	15/09/2022	16/09/2022	5/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CMV	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	14/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	BIC	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	13/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GMC	HOSE	14/09/2022	15/09/2022	29/09/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SZL	HOSE	12/9/2022	13/09/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SZL	HOSE	12/9/2022	13/09/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	X20	HNX	12/9/2022	13/09/2022	26/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TVH	UPCoM	9/9/2022	12/9/2022	12/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,327 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	NAV	HOSE	7/9/2022	8/9/2022	30/09/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	API	HNX	6/9/2022	7/9/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:120	Thưởng cổ phiếu
15	GH3	UPCoM	5/9/2022	6/9/2022	6/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 417 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SPV	UPCoM	5/9/2022	6/9/2022	6/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ADS	HOSE	5/9/2022	6/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	CEG	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	26/09/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PMC	HNX	31/08/2022	5/9/2022	20/09/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	BMC	HOSE	31/08/2022	5/9/2022	20/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HSV	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TDT	HNX	31/08/2022	5/9/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	X26	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	GE2	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	3/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	TNB	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	23/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	TNB	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 50:13	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	SZC	HOSE	30/08/2022	31/08/2022	28/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VTK	UPCoM	30/08/2022	31/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VI**Securities  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)**

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### **Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931